

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 151/2003/NĐ-CP ngày 09/12/2003 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng.

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành
chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc
phòng,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng là hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quốc phòng mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm:

1. Vi phạm quy định về thực hiện nghĩa vụ quân sự, phục vụ tại ngũ và ngạch dự bị;

2. Vi phạm quy định về xây dựng lực lượng dự bị động viên;

3. Vi phạm quy định về động viên công nghiệp; quản lý, sử dụng trang thiết bị, công nghệ, vật tư chuyên dụng phục vụ sản xuất quốc phòng;

4. Vi phạm quy định về quản lý, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ;

5. Vi phạm quy định về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, về quản lý đất quốc phòng;

6. Vi phạm quy định về sử dụng biển số mô tô, ô tô và phương tiện vận tải quân sự;

7. Vi phạm quy định về sử dụng, mua bán, sản xuất quân trang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng quy định tại Chương II Nghị định này.

2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.

3. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng bị xử phạt theo quy định tại Điều 7 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng do người có thẩm quyền quy định tại Chương III Nghị định này thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để; mọi hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo quy định của pháp luật.

3. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt hành chính một lần. Cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

4. Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đã quy định tại Điều 8 và Điều 9 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính để quyết định hình thức, biện pháp xử phạt thích hợp.

5. Không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng điều khiển hành vi của mình.

Điều 4. Thời hiệu xử phạt và thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng là một năm kể từ ngày vi phạm được thực hiện; nếu quá thời hạn trên thì không bị xử phạt, nhưng vẫn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất quốc phòng, công trình quốc phòng và khu quân sự là hai năm.

2. Đối với cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính về lĩnh vực quốc phòng thì bị xử phạt hành chính; trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định phải gửi quyết định và hồ sơ vi phạm cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực quốc phòng; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà cá nhân, tổ chức lại thực hiện vi phạm hành chính mới trong cùng lĩnh vực trước đây đã vi phạm hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời

hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; thời hiệu được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

4. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, nếu qua một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng.

Điều 5. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng

1. Hình thức xử phạt chính: đối với mỗi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo: áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhỏ, lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản;

b) Phạt tiền: căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm để quyết định mức phạt tiền trong khung phạt tiền đã được quy định tại Nghị định này đối với từng hành vi vi phạm. Mức phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó; nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì

mức phạt có thể giảm thấp hơn nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung phạt tiền; nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức phạt có thể tăng cao hơn nhưng không được tăng quá mức tối đa của khung phạt tiền;

c) Trục xuất: áp dụng đối với người nước ngoài vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng; trong từng trường hợp vi phạm cụ thể, trục xuất được áp dụng là hình thức xử phạt chính hoặc xử phạt bổ sung.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng còn có thể bị các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề có liên quan đến vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng. Trường hợp cần áp dụng hình thức phạt tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn một số giấy phép của quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân viên quốc phòng do quân đội cấp để hoạt động vì mục đích quốc phòng, an ninh, thì người có thẩm quyền xử phạt thông báo và đề nghị cơ quan của Quân đội đã cấp giấy phép xử lý;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính và xử phạt bổ sung quy định tại khoản 1

và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, tùy theo hành vi vi phạm sẽ bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, trả lại diện tích đất quốc phòng đã lấn chiếm;

b) Buộc chấp hành các quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự; chấp hành việc đăng ký vào ngạch sĩ quan dự bị; chấp hành các quy định về kiểm tra hoặc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự, để tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị;

c) Buộc chấp hành lệnh gọi nhập ngũ, lệnh gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị theo quy định của pháp luật;

d) Buộc chấp hành lệnh gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu; thực hiện chế độ đăng ký, huy động phương tiện kỹ thuật;

đ) Buộc chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền về chuẩn bị động viên công nghiệp, thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp;

e) Buộc phải tổ chức lực lượng dân quân tự vệ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; buộc phải giải tán lực lượng dân quân tự vệ tổ chức trái pháp luật.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC PHẠT, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1. HÀNH VI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ QUÂN SỰ, PHỤC VỤ TẠI NGŨ VÀ NGẠCH DỰ BỊ; HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 6. Vi phạm các quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi không chấp hành đúng quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự mà người đủ 17 tuổi trong năm thuộc diện phải đăng ký nghĩa vụ quân sự.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi không chấp hành đúng những quy định về đăng ký lần đầu, đăng ký bổ sung, đăng ký di chuyển, đăng ký vắng mặt dài hạn, đăng ký nghĩa vụ quân sự riêng, đăng ký ngạch dự bị sau khi xuất ngũ, phục viên và đăng ký giải ngạch dự bị theo quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự.

3. Ngoài việc bị xử phạt, người vi phạm

Điều này còn buộc phải chấp hành các quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Điều 7. Vi phạm quy định về đăng ký sĩ quan dự bị

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi khi chuyển đến làm việc hoặc cư trú tại địa phương mà không đăng ký vào ngạch sĩ quan dự bị tại cơ quan quân sự địa phương nơi cư trú hoặc nơi đóng trụ sở thường trú của cơ quan tổ chức, doanh nghiệp.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, người vi phạm còn buộc phải chấp hành việc đăng ký vào ngạch sĩ quan dự bị theo quy định.

Điều 8. Vi phạm quy định về kiểm tra hoặc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi vắng mặt khi có giấy gọi kiểm tra hoặc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự mà không có lý do chính đáng.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi gian dối hoặc mua chuộc nhân viên y tế để làm sai lệch các yếu tố về sức khỏe nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, người vi phạm khoản 1 và 2 Điều này còn buộc phải chấp hành các quy định về kiểm tra hoặc khám sức khỏe theo kế hoạch của Hội đồng nghĩa vụ quân sự.

Điều 9. Vi phạm quy định về nhập ngũ

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm quy định đã ghi trong lệnh gọi nhập ngũ mà không có lý do chính đáng.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, người vi phạm còn buộc phải chấp hành lệnh gọi nhập ngũ theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Làm trái hoặc cản trở thực hiện các quy định về nghĩa vụ quân sự

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng đối với hành vi gây khó khăn hoặc cản trở người khác thực hiện các quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự, thực hiện lệnh gọi nhập ngũ.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi gây khó khăn cản trở người có trách nhiệm thi hành các quy định về thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự.

3. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí sắp xếp thời gian, không tạo điều kiện cho công dân thực hiện chế độ đăng ký nghĩa vụ quân sự, thực hiện việc kiểm tra hoặc khám sức khỏe, lệnh gọi nhập ngũ; không báo cáo danh sách công dân nam giới đủ 17 tuổi trong năm; không báo cáo số lượng quân nhân dự bị và người sẵn sàng nhập ngũ ở cơ quan tổ chức mình đúng thời gian mà Luật Nghĩa vụ quân sự đã quy định.

Điều 11. Vi phạm quy định về làm nghĩa vụ quân sự phục vụ tại ngũ

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi đào ngũ khi đang làm nghĩa vụ quân sự phục vụ tại ngũ trong thời bình mà đơn vị quân đội cấp trung đoàn và tương đương đã gửi giấy báo đào ngũ và cắt quân số cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan quân sự cấp huyện đối với người vi phạm lần đầu là các đối tượng: thuộc diện tạm hoãn gọi nhập ngũ hoặc là người đã liên tục phục vụ trong quân đội vượt thời hạn phục vụ tại ngũ theo Luật Nghĩa vụ quân sự hoặc là nữ quân nhân.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi đào ngũ khi đang làm nghĩa vụ quân sự phục vụ tại ngũ trong thời bình, mà đơn vị quân đội cấp trung đoàn và tương đương đã gửi giấy thông báo đào ngũ và cắt quân số cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan quân sự cấp huyện, đối với người vi phạm lần đầu không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi chứa chấp, bao che quân nhân đào ngũ.

Điều 12. Vi phạm quy định về đào tạo sĩ quan dự bị

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi vắng mặt tại địa điểm tập trung theo giấy gọi kiểm tra sức khỏe để tuyển chọn hoặc lệnh gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị mà không có lý do chính đáng.

2. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với hành vi không chấp hành giấy gọi kiểm tra sức khỏe để tuyển chọn hoặc lệnh gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi gian dối hoặc mua chuộc nhân viên y tế để làm sai lệch các yếu tố về sức khỏe nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đi đào tạo sĩ quan dự bị.

4. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi cản trở người khác chấp hành giấy gọi kiểm tra sức khỏe để tuyển chọn hoặc lệnh gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị.

5. Ngoài việc bị phạt tiền, người vi phạm khoản 1, 2 và 3 Điều này còn buộc phải chấp hành giấy gọi kiểm tra sức khỏe để tuyển chọn hoặc lệnh gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị.

Mục 2. HÀNH VI VI PHẠM VỀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN; HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 13. Vi phạm quy định về tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi không có

mặt đúng thời gian và địa điểm ghi trong lệnh gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu, mà không có lý do chính đáng.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi gây khó khăn hoặc cản trở quân nhân dự bị thực hiện các quy định về tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, người vi phạm khoản 1 Điều này còn buộc phải chấp hành lệnh gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu theo lệnh của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 14. Vi phạm quy định về đăng ký phương tiện kỹ thuật

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi không chấp hành các chế độ, thủ tục đăng ký phương tiện kỹ thuật thuộc danh mục loại phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội và bảo đảm cho việc huấn luyện, huy động lực lượng dự bị động viên.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn buộc phải thực hiện chế độ đăng ký phương tiện kỹ thuật theo quy định.

Điều 15. Vi phạm quy định về huy động phương tiện kỹ thuật

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không

chấp hành quyết định hoặc lệnh huy động phương tiện kỹ thuật không xếp trong các đơn vị dự bị động viên; để bảo đảm huấn luyện, diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên trong thời bình.

2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành quyết định hoặc lệnh huy động phương tiện kỹ thuật đã được xếp trong đơn vị dự bị động viên để phục vụ huấn luyện, diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên trong thời bình.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm khoản 1 và 2 Điều này còn buộc phải thực hiện quyết định hoặc lệnh huy động phương tiện kỹ thuật.

Mục 3. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRANG THIẾT BỊ, CÔNG NGHỆ, VẬT TƯ CHUYÊN DỤNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT QUỐC PHÒNG; HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 16. Vi phạm quy định về sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm tiến độ sản xuất, số lượng, chất lượng sản phẩm động viên công nghiệp theo chỉ tiêu động viên công nghiệp.

Điều 17. Vi phạm quy định về động viên công nghiệp

1. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi trốn tránh chuẩn bị động viên công nghiệp; không thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp được giao.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành quyết định huy động tham gia diễn tập động viên công nghiệp.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều này còn buộc phải chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền về chuẩn bị động viên công nghiệp; thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp; tham gia diễn tập động viên công nghiệp

Điều 18. Vi phạm quy định về quản lý trang thiết bị, sản phẩm phục vụ động viên công nghiệp

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi khai thác trái phép trang thiết bị do Nhà nước giao để phục vụ cho động viên công nghiệp; sử dụng sản phẩm phục vụ động viên công nghiệp vào mục đích kinh doanh hoặc mục đích khác khi chưa được phép của cấp có thẩm quyền.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức sử dụng sản phẩm phục vụ động viên công nghiệp vào mục đích kinh doanh còn bị tịch thu tang vật.

Điều 19. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng, vận chuyển trang thiết bị, công nghệ, vật tư chuyên dụng phục vụ sản xuất quốc phòng

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ quy định về bốc dỡ, vận chuyển dẫn đến sai hỏng, mất mát trang thiết bị, công nghệ, vật tư chuyên dụng phục vụ sản xuất quốc phòng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi để thất lạc, làm mất, nhầm lẫn dẫn đến mất đồng bộ hoặc để hư hỏng, xuống cấp trang thiết bị, công nghệ, vật tư chuyên dụng phục vụ sản xuất quốc phòng.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng, khai thác trái phép trang thiết bị, công nghệ, vật tư chuyên dụng phục vụ sản xuất quốc phòng.

Mục 4. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG, SỬ DỤNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ; HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 20. Vi phạm quy định về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi trốn tránh tham gia dân quân tự vệ, cản trở việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức lực lượng dân quân tự vệ trái pháp luật.

4. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân hoặc tổ chức vi phạm khoản 1 Điều này vẫn thuộc diện tham gia dân quân tự vệ; vi phạm khoản 2 Điều này còn buộc phải tổ chức lực lượng dân quân tự vệ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; vi phạm khoản 3 Điều này còn buộc phải giải tán lực lượng dân quân tự vệ tổ chức trái pháp luật.

Điều 21. Vi phạm quy định về sử dụng lực lượng dân quân tự vệ; cản trở dân quân tự vệ thực hiện nhiệm vụ

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng lực lượng dân quân tự vệ làm những việc không đúng chức năng, nhiệm vụ.

2. Phạt tiền từ 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi cản trở cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ thực hiện nhiệm vụ tuần tra, canh gác, truy bắt kẻ phạm pháp.

Điều 22. Vi phạm quy định về quản lý vũ khí, trang bị

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng vũ khí trái phép hoặc tự ý cho người khác mượn vũ khí (trừ trường hợp trong chiến đấu).

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi thiếu trách nhiệm để hư hỏng hoặc làm mất vũ khí, trang bị.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, người vi phạm Điều này còn có thể bị tước quyền sử dụng giấy phép sử dụng vũ khí.

**Mục 5. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH
VỀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH QUỐC
PHÒNG VÀ KHU QUÂN SỰ
QUẢN LÝ ĐẤT QUỐC PHÒNG;
HÌNH THỨC XỬ PHẠT,
MỨC PHẠT VÀ BIỆN
PHÁP KHẮC PHỤC
HẬU QUẢ**

Điều 23. Vi phạm quy định ra, vào, đi lại trong khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn của công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi vô ý ra, vào, đi lại trong khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn của công trình

quốc phòng và khu quân sự không được phép của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền:

a) Từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi cố ý ra, vào, đi lại trong khu vực bảo vệ, vành đai an toàn của công trình quốc phòng và khu quân sự;

b) Từ 400.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi cố ý ra, vào, đi lại trong khu vực cấm của công trình quốc phòng và khu quân sự.

Điều 24. Vi phạm quy định về quay phim, chụp ảnh, đo, vẽ công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi quay phim, chụp ảnh, đo, vẽ vành đai an toàn của công trình quốc phòng và khu quân sự không được phép của cấp có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi quay phim, chụp ảnh, đo, vẽ khu vực bảo vệ của công trình quốc phòng và khu quân sự không được phép của cấp có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi quay phim, chụp ảnh, đo, vẽ khu vực cấm của công trình quốc phòng và khu quân sự không được phép của cấp có thẩm quyền.

4. Ngoài việc bị phạt tiền, người vi

phạm Điều này còn bị tịch thu tang vật, nếu vi phạm khoản 2, khoản 3 Điều này còn bị tịch thu phương tiện dùng để vi phạm.

Điều 25. Vi phạm quy định về bảo vệ bí mật công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi loan truyền tin tức bí mật của công trình quốc phòng và khu quân sự hoặc nơi có công trình quốc phòng và khu quân sự.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tìm hiểu vị trí, tác dụng, kết cấu, ghi chép các số liệu có liên quan đến công trình quốc phòng và khu quân sự không đúng chức trách, nhiệm vụ và không được cấp có thẩm quyền cho phép.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, người vi phạm khoản 2 Điều này còn bị tịch thu tang vật.

Điều 26. Vi phạm quy định về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi đặt thiết bị làm ảnh hưởng đến cấu trúc, tác dụng, an toàn, bí mật của công trình quốc phòng và khu quân sự.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đổ rác, chất thải vào trong hoặc bên cạnh công trình quốc phòng;

b) Khai thác vật liệu, khoáng sản, cổ vật trong khu vực bảo vệ, vành đai an toàn của công trình quốc phòng và khu quân sự.

c) Chặt phá cây nguy trang của công trình quốc phòng và khu quân sự;

d) Xâm phạm cột mốc, biển báo khu vực công trình quốc phòng và khu quân sự.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi sau đây:

a) Để hóa chất, chất độc vào trong công trình quốc phòng;

b) Khai thác vật liệu, khoáng sản, cổ vật trên nóc, bên cạnh, dưới đáy công trình quốc phòng hoặc trong khu vực cấm của công trình quốc phòng và khu quân sự;

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng các công trình khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến công trình quốc phòng và khu quân sự.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi phá dỡ hoặc làm hư hỏng kết cấu và thiết bị của công trình quốc phòng.

6. Ngoài việc bị phạt tiền cá nhân, tổ

chức vi phạm Điều này còn buộc phải tháo dỡ thiết bị, công trình xây dựng trái phép khôi phục lại tình trạng ban đầu của công trình quốc phòng và khu quân sự, bị tịch thu tang vật. Nếu vi phạm điểm b khoản 3 và khoản 5 Điều này còn bị tịch thu phương tiện dùng để vi phạm.

Điều 27. Vi phạm quy định về sử dụng công trình quốc phòng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thiết bị, vật tư chuyên dùng của công trình quốc phòng không đúng mục đích.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng hoặc cải tạo công trình quốc phòng để sử dụng vào việc khác không được cấp có thẩm quyền cho phép.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm Điều này còn buộc phải khôi phục tình trạng ban đầu của công trình quốc phòng.

Điều 28. Vi phạm quy định về quản lý đất quốc phòng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lấn chiếm đất quốc phòng.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm Điều này còn buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, trả lại diện tích đất quốc phòng đã lấn chiếm.

**Mục 6. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH
VỀ SỬ DỤNG BIỂN SỐ MÔ TÔ, ÔTÔ
VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI QUÂN
SỰ; HÌNH THỨC XỬ PHẠT,
MỨC PHẠT VÀ BIỆN
PHÁP KHẮC PHỤC
HẬU QUẢ**

Điều 29. Vi phạm quy định về sử dụng biển số mô tô, ô tô và phương tiện vận tải quân sự

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ các loại biển số mô tô, ô tô và phương tiện vận tải quân sự trái phép (cả biển số thật và biển số giả).

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các loại biển số mô tô, ô tô và phương tiện vận tải quân sự trái phép (cả biển số thật và biển số giả).

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, bán trái phép các loại biển số mô tô, ô tô và các phương tiện vận tải quân sự.

4. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau:

a) Vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều này bị tịch thu tang vật;

b) Vi phạm khoản 3 Điều này bị tịch thu tang vật, phương tiện dùng để vi phạm.

Điều 30. Vi phạm quy định về sử dụng mô tô, ô tô và phương tiện vận tải quân sự

1. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi giả danh mô tô, ô tô và phương tiện vận tải quân sự.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm Điều này còn bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, giấy phép điều khiển phương tiện vận tải quân sự trong thời hạn từ 90 ngày đến 180 ngày.

**Mục 7. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH
VỀ SỬ DỤNG, MUA BÁN, SẢN XUẤT
QUÂN TRANG; HÌNH THỨC XỬ
PHẠT, MỨC PHẠT VÀ BIỆN
PHÁP KHẮC PHỤC
HẬU QUẢ**

Điều 31. Vi phạm quy định về sử dụng quân trang

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi đội mũ có gắn quân hiệu, mặc quân phục có gắn cấp hiệu, phù hiệu, cành tùng, sao, mang mặc và sử dụng các loại quân trang khác trái phép.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị tịch thu tang vật.

Điều 32. Vi phạm quy định về quản lý quân trang

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ, buôn bán, đổi trái phép các loại quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, cành tùng, mũ kêpi, mũ dã chiến, lễ phục, quân phục thường dùng, quân phục dã chiến, quân phục nghiệp vụ và các loại quân trang khác.

2. Ngoài việc bị phạt tiền còn bị tịch thu tang vật.

Điều 33. Vi phạm quy định về sản xuất quân trang

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, làm giả các loại quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, cành tùng, mũ kêpi, mũ dã chiến, lễ phục, quân phục thường dùng, quân phục dã chiến, quân phục nghiệp vụ và các loại quân trang khác.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị tịch thu tang vật, phương tiện dùng để vi phạm.

Điều 34. Vi phạm quy định về sử dụng phù hiệu, biển công tác, cờ hiệu dành riêng cho quân đội khi làm nhiệm vụ

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng trái phép các loại phù hiệu, biển công tác, cờ hiệu dành riêng cho quân đội khi làm nhiệm vụ.

2. Ngoài việc bị phạt tiền còn bị tịch thu tang vật.

Điều 35. Vi phạm quy định về quản lý phù hiệu, biển công tác, cờ hiệu dành riêng cho quân đội khi làm nhiệm vụ

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi mua bán trái phép các loại phù hiệu, biển công tác, cờ hiệu dành riêng cho quân đội khi làm nhiệm vụ.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị tịch thu tang vật.

Điều 36. Vi phạm quy định về sản xuất phù hiệu, biển công tác, cờ hiệu dành riêng cho quân đội khi làm nhiệm vụ

1. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất trái phép, làm giả các loại phù hiệu, biển công tác, cờ hiệu dành riêng cho quân đội khi làm nhiệm vụ.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị tịch thu tang vật, phương tiện dùng để vi phạm.

Chương III

THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG

Điều 37. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại các Điều 28, Điều 29 và Điều 30 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa bàn do mình quản lý đối với các hành vi vi phạm và các biện pháp khắc phục hậu quả khi xử phạt vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này.

Điều 38. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra quốc phòng

1. Thanh tra quốc phòng có thẩm quyền xử phạt các vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này và các vi phạm hành chính trong việc quản lý, sử dụng nhà ở, đất ở do quân đội đang quản lý theo các quy định của Chính phủ.

2. Thanh tra viên quốc phòng đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra quốc phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, các biện pháp khắc phục hậu quả khi xử phạt vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, các biện pháp khắc phục hậu quả khi xử phạt vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này.

Điều 39. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Điều 31 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Mục 6, Mục 7 và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả khi xử phạt vi phạm quy định tại Mục 6, Mục 7 Chương II Nghị định này.

Điều 40. Thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường

Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Điều 37 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Mục 7 và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả khi xử phạt vi phạm quy định tại Mục 7 Chương II Nghị định này.

Điều 41. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng

Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Điều 32 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Mục 5, Mục 6 và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Mục 5, Mục 6 Chương II Nghị định này đối với các hành vi vi phạm trong khu vực quản lý của Bộ đội biên phòng.

Điều 42. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển

Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Điều 33 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Mục 6 và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả khi xử phạt vi phạm quy định tại Mục 6 Chương II Nghị định này đối với các hành vi vi phạm trong khu vực quản lý của Cảnh sát biển.

Điều 43. Ủy quyền và nguyên tắc phân định thẩm quyền xử phạt

1. Ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng áp dụng theo quy định tại Điều 41 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 14 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm

2002 (dưới đây gọi tắt là Nghị định số 134/2003/NĐ-CP).

2. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng áp dụng theo Điều 42 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 13 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP.

Điều 44. Thu nộp tiền phạt

Cá nhân, tổ chức bị phạt tiền phải nộp tiền phạt đúng thời hạn và tại nơi ghi trong quyết định xử phạt, trừ trường hợp đã nộp tiền phạt tại chỗ theo quy định tại Điều 54 và khoản 2 Điều 58 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và được nhận biên lai thu tiền phạt. Nếu trốn tránh hoặc không nộp đúng thời hạn thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật. Việc thu nhận tiền phạt phải sử dụng biên lai do Bộ Tài chính phát hành theo quy định hiện hành.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc thu và sử dụng tiền phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng.

Điều 45. Trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng

1. Trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng phải thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thủ tục tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, thực hiện theo Điều 60, Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Các tài liệu liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng phải lưu giữ đầy đủ tại cơ quan xử phạt. Biên bản vi phạm hành chính được lập theo quy định tại Điều 55 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và mẫu quy định tại Nghị định số 134/2003/NĐ-CP, trừ trường hợp xử lý theo thủ tục đơn giản quy định tại Điều 54 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Những vi phạm quy định về thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng dự bị động viên, xây dựng và sử dụng dân quân tự vệ, thì Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, người Chỉ huy cơ quan quân sự cấp huyện, cấp tỉnh kết hợp với cơ quan công an cùng cấp lập biên bản kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp mình xử phạt theo thẩm quyền.

Điều 46. Chấp hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng quy định tại Nghị định này phải nghiêm

chỉnh chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành theo Điều 66 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Người có thẩm quyền được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 7 và khoản 8 Điều 67 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính có quyền ra quyết định cưỡng chế và tổ chức việc cưỡng chế.

3. Khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ quan và người có thẩm quyền phải tuân thủ trình tự, thủ tục cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Mẫu quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 134/2003/NĐ-CP.

4. Lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan khác của Nhà nước khi được các cơ quan đó yêu cầu và phối hợp với các cơ quan nhà nước khác tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế của các cơ quan đó khi được yêu cầu.

5. Lực lượng kiểm soát quân sự thi hành quyết định cưỡng chế của Chánh Thanh tra quốc phòng các cấp.

6. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Điều 47. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính

1. Để ngăn chặn kịp thời các vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, người có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính theo Điều 43 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và đảm bảo việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng được thực hiện theo quy định tại các Điều 44, 45, 46, 47, 48, 49 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 15 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP.

Mẫu biên bản áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 134/2003/NĐ-CP.

Chương IV

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

Điều 48. Khiếu nại, tố cáo

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính.

Công dân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi trái pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng.

Thủ tục khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại tố cáo.

Chương V

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 49. Khen thưởng

Cá nhân, tổ chức có thành tích trong việc cung cấp thông tin, phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

Điều 50. Xử lý vi phạm

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng mà sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt quá thẩm quyền quy định thì tùy theo mức

độ, tính chất vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng nếu có hành vi cản trở, chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành quyết định xử phạt hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 24/CP ngày 18 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng.

Điều 52. Hướng dẫn thi hành

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 53. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 152/2003/NĐ-CP ngày 09/12/2003 về việc thành lập xã, phường thuộc thành phố Vũng Tàu và huyện Tân Thành, chia huyện Long Đất thành huyện Long Điền và huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,